TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2021

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

2. Ông Lê Hồng Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Â, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp TQ, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Công K, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: ấp BN, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Nơi cư trú hiện nay: Đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 1, Trại giam T, thuộc Ấp 3, xã TH, huyện TH, tỉnh Long An.

(Bà Ân có mặt, ông Khư có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Â yêu cầu khởi kiện: Bà Â và ông Nguyễn Công K tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An năm 2016. Quá trình vợ chồng bà Â chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K không lo làm ăn, sa vào tệ nạn xã hội, ông K thường xuyên nhậu nhẹt, sử dụng ma túy, kiếm chuyện đánh đập bà Â nhiều lần, bỏ mặc mẹ con bà Â không quan tâm chăm sóc. Bà Â đã cùng gia đình nhiều lần khuyên ngăn cho ông K cơ hội để sửa đổi nhưng ông K không những không sửa đổi mà ngày càng tệ hơn nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để sống và ly thân với ông K từ tháng 10/2019 đến nay. Trong quá trình vợ chồng ly thân, ông K không những không sửa đổi mà còn phạm tội bị bắt giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy từ tháng 5/2020 và bị Tòa án nhân dân huyện V xử 02 năm 09 tháng tù.

Nay bà Â thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Â yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Công K.

- Về con chung: Bà Â và ông K chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 29/4/2017; Giới tính: Nữ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do bà Â trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Â yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung: Bà Â xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Â cam kết không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Công K có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Â như sau: Ông K thống nhất với bà Â về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như bà Â đã trình bày.

Nay bà Â yêu cầu ly hôn ông K đồng ý. Khi ly hôn, ông K đồng ý giao con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 29/4/2017; Giới tính: Nữ cho bà Â trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Trịnh Thị Â cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Trịnh Thị Â và ông Nguyễn Công K (bản chính); Giấy khai sinh cháu Nguyễn Bảo T (bản sao); Bản án số 27/2020/HS-ST ngày 27/11/2020 (bản sao).

Chứng cứ do ông Khư cung cấp: Không có.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Công K ngày 23/4/2021.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông K. Ngày 23/4/2021, ông K có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Â và có đơn đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa với lý do ông đang phải chấp hành án trong trại giam. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án như sau:

Về hoạt động tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đã xác định đúng tư cách đương sự tham gia tố tụng, quan hệ tranh chấp, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định về của pháp luật khi tham gia tố tụng, nên Kiểm sát viên không có đề nghị hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Bà Trịnh Thị Â và ông Nguyễn Công K chung sống với nhau vào năm 2015 và đăng ký kết hôn năm 2016. Quá trình chung sống giữa bà Â và ông K hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K không lo làm ăn, sa vào tệ nạn xã hội, thường xuyên nhậu nhẹt, và nghiện ma túy, về nhà kiếm chuyện đánh đập bà Â, bỏ mặc vợ con không quan tâm chăm sóc. Bà Â và gia đình đã

nhiều lần khuyên ngăn và tạo điều kiện để ông K sửa đổi nhưng ông K không những không sửa đổi mà ngày càng tệ hơn nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để sống và ly thân với ông K từ tháng 10/2019 đến nay. Trong quá trình vợ chồng ly thân ông K không những không sửa đổi mà còn phạm tội bị bắt giam về hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy từ tháng 5/2020 và bị Tòa án nhân dân huyện V xử 02 năm 09 tháng tù.

Nay bà Â và ông K tự thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, bà Â yêu cầu ly hôn, ông K đồng ý. Về tài sản chung, bà Â và ông K đều thống nhất có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, bà Â và ông K đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Khi ly hôn, bà Â và ông K thống nhất giao con chung tên Nguyễn Bảo T cho bà Â trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, cháu T có giới tính là nữ, từ khi ông K và bà Â ly thân cho đến nay con chung đều do bà Â nuôi dưỡng. Quá trình bà Â nuôi cháu T được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Hiện nay, ông đang chấp hành án trong trại giam nên không có đủ điều kiện để nuôi con. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của bà Â và ông K về người trực tiếp nuôi con là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của cháu T về mọi mặt sức khỏe, giới tính, tâm sinh lý, ổn định chỗ ở, học hành và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự khi ly hôn nên việc quyết định giao con chung cho bà Â nuôi là hợp lý.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Â yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị Â và ông Nguyễn Công K tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An, nên hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông K hiện tại đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T thuộc huyện TH, tỉnh Long An nên theo quy định tại

Điều 12 Luật cư trú thì ông K đang cư trú tại huyện TH, tỉnh Long An. Bà Â khởi kiện yêu cầu ly hôn ông K, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đối với ông K: Do ông K có đề nghị được xét xử vắng mặt nên Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Â:

[4.1] *Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn:* Qua lời khai của bà Â và ông K trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, kết hợp với các chứng cứ do bà Â cung cấp thể hiện do ông K không lo làm ăn, sa vào tệ nạn xã hội, thường xuyên nhậu nhẹt, sử dụng ma túy rồi đánh đập bà Â, bỏ mặc mẹ con bà Â không quan tâm chăm sóc. Bà Â đã cùng gia đình nhiều lần khuyên ngăn, cho ông K cơ hội để sửa đổi nhưng ông K không những không sửa đổi mà ngày càng tệ hơn nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để sống và ly thân với ông K từ tháng 10/2019 đến nay. Trong quá trình vợ chồng ly thân, ông K không những không sửa đổi mà còn phạm tội bị bắt giam về hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy từ tháng 5/2020 và bị Tòa án nhân dân huyện V xử 02 năm 09 tháng tù dẫn đến tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, bà Â và ông K không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau nữa. Bà Â thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Â yêu cầu ly hôn, ông K đồng ý. Bà Â và ông K tự nguyện thuận tình ly hôn, đồng thời thống thất trong quá trình vợ chồng chung sống không có nợ chung nên không có tranh chấp. Việc thuận tình ly hôn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình chung sống, ông K không lo làm ăn, sa vào tệ nạn xã hôi, thường xuyên nhậu nhẹt, sử dụng ma túy dẫn đến phạm tội bị bắt giam và phải đi chấp hành hình phạt tù, bỏ mặc vợ con không quan tâm, giúp đỡ là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà Â là có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] *Về con chung:* Bà Â và ông K chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 29/4/2017; Giới tính: Nữ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do bà Â nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Â và ông K thống nhất giao con chung tên Nguyễn Bảo T cho bà Â trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải

cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, cháu T có giới tính là nữ, từ khi ông K và bà Â ly thân cho đến nay con chung đều do bà Â nuôi dưỡng. Quá trình bà Â nuôi dưỡng, cháu T được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Hiện nay, ông đang chấp hành án trong trại giam nên không có đủ điều kiện để nuôi con. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của bà Â và ông K là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của cháu T về mọi mặt sức khỏe, giới tính, tâm sinh lý, ổn định chỗ ở, học hành và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự khi ly hôn. Do đó, việc quyết định giao con chung là cháu Nguyễn Bảo T cho bà Â nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do bà Â không yêu cầu ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] *Về tài sản chung:* Bà Â và ông K thống nhất xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.4] *Về nợ chung:* Bà Â và ông K cam kết không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

Qua quá trình nhận định, đánh giá chứng kết hợp với lời khai của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Â và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa là có căn cứ để chấp.

[5] Về án phí: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Â phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 20 Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trịnh Thị Â đối với ông Nguyễn Công K.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị Â và ông Nguyễn Công K.

- Về con chung: Bà Trịnh Thị Â được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 29/4/2017; Giới tính: Nữ. Ông Nguyễn Công K không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Â không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị Â phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Â đã nộp theo biên lai thu số 0003768 ngày 12/4/2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa sang án phí để thi hành (Bà Â đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bà Trịnh Thị Â có mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Công K vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Đình Ngân